

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA
PHƯƠNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 56.../CV/PNC-2023

Ngày 28 tháng 07 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDK TP.HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM**

- Tổ chức niêm yết : **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**
- Mã chứng khoán : **PNC**
- Trụ sở chính : 940 đường 3 tháng 2, phường 15, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 38663447 Fax: 028 38663449
- Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN HỮU HOẠT** (Người được ủy quyền Công bố thông tin)
- Địa chỉ: Số 1H đường số 6, Cư xá Bình Thới, Quận 11, Tp. HCM
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): : 028 38663447 Fax: 028 38663449
- Loại thông tin công bố: 24 giờ; 72 giờ; định kỳ
 bất thường; Theo yêu cầu
- Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính quý 2 năm 2023 (riêng, hợp nhất)**
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/07/2023 tại đường dẫn www.pnc.com.vn của công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo tài chính quý 2 năm 2023 (riêng, hợp nhất).

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu tại VPCT

**CÔNG TY CP VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**



NGUYỄN HỮU HOẠT

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA
PHƯƠNG NAM

Báo cáo hợp nhất
Quý 2 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Quý 2/2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	30/6/2023	01/01/2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		525,145,715,463	504,564,949,125
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		19,877,145,521	106,560,596,693
1. Tiền	111	VI.1	19,577,145,521	27,960,596,693
2. Các khoản tương đương tiền	112		300,000,000	78,600,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		43,800,000,000	25,600,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		43,800,000,000	25,600,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		173,050,743,888	96,972,992,641
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	33,736,543,235	30,353,711,954
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4,909,077,865	10,716,815,952
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	VI.6	120,000,000,000	40,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4a	23,006,541,299	24,590,194,248
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(9,918,659,458)	(9,918,659,458)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.5	1,317,240,947	1,230,929,945
IV. Hàng tồn kho	140		283,140,509,762	271,425,489,667
1. Hàng tồn kho	141	VI.7a	318,026,106,553	304,360,599,070
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	VI.7b	(34,885,596,791)	(32,935,109,403)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,277,316,292	4,005,870,124
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	3,499,043,825	2,679,789,418
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,724,790,543	1,171,730,511
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.17b	53,481,924	154,350,195
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34,161,652,931	33,257,715,912
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11,437,246,263	9,489,280,781
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		2,246,000,000	2,246,000,000
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.4b	9,191,246,263	7,243,280,781
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		16,407,599,302	19,541,209,585
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	14,291,769,616	17,087,922,691
- Nguyên giá	222		148,550,189,038	146,272,126,258
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(134,258,419,422)	(129,184,203,567)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	2,115,829,686	2,453,286,894
- Nguyên giá	228		7,421,446,001	7,421,446,001

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	30/6/2023	01/01/2023
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5,305,616,315)	(4,968,159,107)
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.12	-	-
- Nguyên giá	231		4,170,407,110	4,170,407,110
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(4,170,407,110)	(4,170,407,110)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2,410,678,304	248,500,000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.8	2,410,678,304	248,500,000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2,499,906,900	2,499,906,900
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2,499,906,900	2,499,906,900
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,406,222,162	1,478,818,646
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	1,047,075,721	933,809,983
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.22	359,146,441	545,008,663
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		559,307,368,394	537,822,665,037
C – NỢ PHẢI TRẢ	300		384,227,686,646	372,358,839,758
I. Nợ ngắn hạn	310		380,109,271,856	368,163,234,382
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.15	284,404,046,266	281,285,562,853
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2,049,470,775	4,167,861,530
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17a	5,041,109,851	5,206,029,724
4. Phải trả người lao động	314		24,325,709,750	24,435,357,187
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	22,647,046,538	23,623,580,574
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.20	4,629,292,429	2,316,945,229
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19a	37,012,596,247	27,127,897,285
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4,118,414,790	4,195,605,376
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.19b	4,118,414,790	4,195,605,376
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	30/6/2023	01/01/2023
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		175,079,681,748	165,463,825,279
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.23	175,079,681,748	165,463,825,279
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		110,402,410,000	110,402,410,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		110,402,410,000	110,402,410,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24,738,460,046	24,738,460,046
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2,616,000,640)	(2,616,000,640)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,998,733,714	1,998,733,714
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40,556,078,628	30,940,222,159
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		30,940,222,158	30,940,222,159
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9,615,856,470	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		559,307,368,394	537,822,665,037

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Thanh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phan Quốc Hưng

TP. HCM, ngày 28 tháng 07 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Như Quỳnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Quý 2/2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Quý 2/2023	Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2022
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	161,044,591,847	181,815,901,629	332,243,160,382	319,689,063,873
Các khoản giảm trừ doanh thu	2,068,937,831	1,524,100,828	3,544,476,047	3,139,138,888
Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ	158,975,654,016	180,291,800,801	328,698,684,335	316,549,924,985
Giá vốn hàng bán	99,844,416,378	117,719,986,570	202,289,988,092	198,294,487,624
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	59,131,237,638	62,571,814,231	126,408,696,243	118,255,437,361
Doanh thu hoạt động tài chính	11,612,251,818	4,253,842,316	13,849,585,429	5,854,166,751
Chi phí tài chính	389,328,000	-	389,328,000	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	-	-	-	-
<i>Lãi lỗ công ty liên kết</i>	-	-	-	-
Chi phí bán hàng	55,011,983,429	56,950,402,042	113,051,910,160	104,830,872,343
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9,300,729,479	6,835,587,243	17,135,571,597	13,641,050,962
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6,041,448,548	3,039,667,262	9,681,471,915	5,637,680,807
Thu nhập khác	4,185,191,576	523,194,784	4,337,150,177	1,216,836,875
Chi phí khác	190,620,968	165,470,002	295,049,793	190,898,724
Lợi nhuận khác	3,994,570,608	357,724,782	4,042,100,384	1,025,938,151
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10,036,019,156	3,397,392,044	13,723,572,299	6,663,618,958
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3,921,853,618	-	3,921,853,618	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	41,411,731	(82,414,417)	185,862,211	(43,443,830)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6,072,753,807	3,479,806,461	9,615,856,470	6,707,062,788
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	6,072,753,807	3,479,806,461	9,615,856,470	6,707,062,788
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	562	322	890	621
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	-	-	-	-

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Thanh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phan Quốc Hưng

TP. HCM, ngày 28 tháng 07 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)


Quý 2/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 2/2023	Quý 2/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2022
I.Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1.Lợi nhuận trước thuế	01	10,036,019,156	3,397,392,044	13,723,572,299	6,663,618,958
2.Điều chỉnh cho các khoản:					
-Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3,887,363,396	3,546,458,460	1,303,957,234	7,122,801,332
-Các khoản dự phòng	03	-	-	-	-
-Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	-	-	-	-
-Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17,732,558,333)	1,720,307,289	(17,545,737,718)	-
-Chi phí lãi vay	06	-	-	-	-
-Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-	-	-
3.Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3,809,175,781)	8,664,157,793	(2,518,208,185)	13,786,420,290
-Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3,276,072,997	2,659,149,944	(1,947,965,482)	10,053,974,306
-Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3,092,211,871)	(17,863,117,804)	(11,715,020,095)	(11,122,975,386)
-Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(18,560,831,908)	22,161,140,033	11,868,846,888	13,392,026,029
-Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2,787,910,815)	(752,708,679)	3,624,740,274	(524,996,788)
-Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-	-	-
-Tiền lãi vay đã trả	14	-	-	-	-
-Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	3,406,052,150	-	(164,919,873)	-
-Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-	-	-
-Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(21,568,005,227)	14,868,621,287	(852,526,473)	25,584,448,451
II.Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(4,491,804,787)	(555,655,168)	(3,133,610,283)	(1,223,781,168)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-	-	-
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5,751,052,134)	(5,900,000,000)	(100,243,052,134)	(9,200,000,000)
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-	-	-
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	-	-
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-	-	-
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	17,545,737,718	(1,720,307,289)	17,545,737,718	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7,302,880,797	(8,175,962,457)	(85,830,924,699)	(10,423,781,168)
III.Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-	-
2.Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3.Tiền thu từ đi vay	33	-	-	-	-
4.Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-	-	-
5.Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	-	-
6.Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(14,265,124,431)	6,692,658,830	(86,683,451,172)	15,160,667,283
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	34,142,269,952	36,527,437,878	106,560,596,693	28,059,429,425
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	19,877,145,521	43,220,096,708	19,877,145,521	43,220,096,708

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TP. HCM, ngày 28 tháng 07 năm 2023
TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phan Quốc Hưng

Nguyễn Như Quỳnh

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn.

Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002356 ngày 19 tháng 11 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 26 tháng 10 năm 2022.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 940 đường 3/2, P.15, Q.11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 110.402.410.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 6 công ty con như được trình bày tại mục I.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

2. Lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực văn hóa.

3. Ngành nghề kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh siêu thị, hàng tiêu dùng, sách báo, tạp chí văn hóa phẩm, băng hình, vật tư ngành ảnh, ngành in, đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất và kinh doanh các tác phẩm điện ảnh: phim nhựa, phim quảng cáo, các sản phẩm nghe nhìn và thực hiện các dịch vụ khác thuộc lĩnh vực điện ảnh;
- In ấn các loại sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, tem nhãn, bao bì các loại, giấy tờ quản lý kinh tế trên tất cả các chất liệu;
- Kinh doanh các dịch vụ thuộc ngành văn hóa thông tin: nhiếp ảnh, âm thanh, nhạc cụ, vẽ quảng cáo, thiết kế mỹ thuật, đánh máy, photocopy;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu học tập, văn hóa bằng tất cả các chất liệu;
- Dịch vụ: sửa chữa, bảo trì máy móc, công cụ do Công ty kinh doanh; giữ xe của khách hàng.
- Tổ chức biểu diễn thời trang, ca múa nhạc chuyên nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Sản xuất và mua bán các loại sản phẩm nghe nhìn: băng đĩa nhạc, băng đĩa hình, băng đĩa phim truyện, phim hoạt hình, băng đĩa có nội dung sân khấu – ca nhạc và các loại băng đĩa có nội dung được phép lưu hành;
- Dịch vụ bảo hộ quyền tác giả;
- Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh rạp chiếu phim;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại.

4. Cấu trúc tập đoàn

- Tổng số các Công ty con:

+ Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 6

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con trực tiếp</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH Bán Lẻ Phương Nam		100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Phương Nam Phim		100%	100%

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3.	Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam	100%	100%
4.	Công ty TNHH MTV In Phương Nam	100%	100%
5.	Công ty TNHH MTV VPP Phương Nam	100%	100%
6.	Công ty TNHH GT-Truyền Thông Phương Nam	100%	100%

STT	Tên công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của Công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty
1.	Công ty Cổ phần Nhân Hiệu Phương Nam	137 Lê Quang Định, P.14, Q.Bình Thạnh, TP HCM	50.00%	59.90%
2.	Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	236A/1 Lê Văn Sỹ, P.01, Q.Tân Bình, TP HCM	30.67%	30.67%
(Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết đang tính theo vốn điều lệ, vốn thực góp đến thời điểm hiện nay thấp hơn vốn điều lệ do có cổ đông chưa góp đủ vốn)				
3.	Công ty CP Mega Phương Nam	181/31/17 Bình Thới, P.09, Q.11, TP.HCM	32.00%	32.00%

Đầu tư khác	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty
Công ty CP Sách & Thiết bị Trường học Sóc Trăng	49 đường Lê Duẩn, P.03, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	15.69%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng.

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng.

1. Nguyên tắc nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam và báo cáo tài chính các công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

- a. Các khoản cho vay;
- b. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;
 - Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
 - Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.
- c. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;
- d. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho;

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho;

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ. TSCĐ thuê tài chính. bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo [phương pháp đường thẳng/ phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh/ phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm] trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	02 – 06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 -20 năm

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Tập đoàn.

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào đặc thù từng loại chi phí.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Ghi rõ ràng rành mạch theo từng đối tượng

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội. Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ
- Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Ghi nhận cổ tức
- Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông hàng năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Hàng tồn kho kê khai thường xuyên

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

20. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất (chỉ thuyết minh những phương pháp kế toán có giao dịch phát sinh trong kỳ)

- Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn;
- Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
- Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con (thoái đầu tư trong các trường hợp không mất quyền kiểm soát, mất quyền kiểm soát, khi công ty con phát hành cổ phiếu riêng lẻ, hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung);
- Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ;

1. Tiền	30/06/2023	01/01/2023
- Tiền mặt	552.493.405	1.542.678.553
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.024.652.116	26.417.918.140
Cộng	19.577.145.521	27.960.596.693

Chi tiết số dư loại tiền mặt	30/06/2023	01/01/2023
-Trụ sở chính	6.497.457	2.875.000
-Công ty Bán Lê Phương Nam	518.418.684	1.459.287.767
-Công ty Phương Nam Phim	4.894.000	48.518.000
-Công ty Sách Phương Nam	17.984.484	21.779.783
-Công ty In Phương Nam	4.698.780	8.338.828
-Công ty GT TT Phương Nam		1.379.175
Cộng	552.493.405	1.542.678.553

Chi tiết số dư loại tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30/06/2023	01/01/2023
-Trụ sở chính	340.351.257	526.948.704
-Công ty Bán Lê Phương Nam	17.783.153.477	24.831.491.834
-Công ty Phương Nam Phim	113.948.681	173.055.822
-Công ty Sách Phương Nam	772.346.112	867.669.640
-Công ty In Phương Nam	13.751.672	16.745.736
-Công ty GT TT Phương Nam	1.100.907	2.006.404
Cộng	19.024.652.116	26.417.918.140

2. Các khoản đầu tư tài chính	30/06/2023	01/01/2023
Đầu tư khác		
+ Công ty CP STB Trường học Sóc Trăng	2.499.906.900	2.499.906.900
Cộng	2.499.906.900	2.499.906.900

3. Phải thu của khách hàng	30/06/2023	01/01/2023
- Trụ sở chính	1.669.087.137	1.627.723.144
- Công ty Bán Lê Phương Nam	28.910.974.379	25.266.120.253
- Công ty Phương Nam Phim	640.826.471	896.779.918
- Công ty Sách Phương Nam	365.137.427	363.042.585
- Công ty In Phương Nam	969.612.978	969.612.978
- Công ty VPP Phương Nam	1.145.714.008	1.145.714.008

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Công ty GT TT Phương Nam	35.190.835	35.190.835
Cộng	33.736.543.235	30.353.711.954
Trong đó các bên liên quan		
+ Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	13.495.549	13.495.549
4. Phải thu khác	30/06/2023	01/01/2023
a) Ngắn hạn		
- Phải thu khác		
+ Trữ sở chính	2.370.450.077	1.897.903.704
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	18.382.991.994	20.874.248.722
+ Công ty Phương Nam Phim	2.134.144.228	1.778.241.822
+ Công ty Sách Phương Nam	119.000.000	39.800.000
Cộng	23.006.541.299	24.590.194.248
Trong đó phải thu là bên liên quan		
+ Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	15.398.858	15.398.858
b) Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ;	9.191.246.263	7.243.280.781
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	9.191.246.236	7.243.280.781
Cộng	9.191.246.236	7.243.280.781
5. Tài sản thiếu chờ xử lý:	30/06/2023	01/01/2023
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.317.240.947	1.230.929.945
Cộng	1.317.240.947	1.230.929.945
6. Phải thu tiền vay	30/06/2023	01/01/2023
a) Ngắn hạn		
+ Trữ sở chính	50.000.000.000	
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	70.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	120.000.000.000	40.000.000.000
7. Hàng tồn kho:	30/06/2023	01/01/2023
a. Giá gốc:		
- Nguyên liệu, vật liệu;	1.416.587.739	1.459.004.162
- Công cụ, dụng cụ;	2.623.000	100.234.500
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	4.942.287.021	4.611.161.045
- Thành phẩm;	7.153.050.308	6.785.377.066
- Hàng hóa;	304.511.558.486	291.404.822.297
- Hàng gửi bán		
Cộng	318.026.106.553	304.360.599.070
b. Dự phòng hàng tồn kho	30/06/2023	01/01/2023
- Hàng hóa;	34.885.596.791	32.935.109.403
Trong đó:		
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	15.168.125.562	15.168.125.562
+ Công ty Phương Nam Phim	2.896.668.539	2.896.668.539
+ Công ty Sách Phương Nam	16.820.802.690	14.870.315.302
Cộng	34.885.596.791	32.935.109.403
8. Tài sản dở dang dài hạn	30/06/2023	01/01/2023
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Công ty Bán Lê Phương Nam	2.410.678.304	248.500.000
Cộng	2.410.678.304	248.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Máy móc quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	115.306.120.108	6.646.742.711	1.525.413.574	22.793.849.865	146.272.126.258
- Mua trong năm	2.278.062.780	-	-	-	2.278.062.780
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	117.584.182.888	6.464.742.711	1.525.413.571	22.793.849.865	148.550.189.038
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	100.193.673.341	5.303.856.153	1.525.413.574	22.793.849.865	129.184.203.567
- Khấu hao trong năm	4.529.086.481	163.558.800	-	381.570.574	5.074.215.855
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	104.722.759.822	5.467.414.953	1.404.013.575	22.664.231.072	134.258.419.422
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	15.112.446.767	1.342.886.558	121.399.999	511.189.367	17.087.922.691
- Tại ngày cuối năm	12.861.423.006	1.179.327.758	121.399.999	129.618.793	14.291.769.616

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	7.314.426.921	107.019.080	7.421.466.001
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-	-
- Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	7.314.426.921	107.019.080	7.421.466.001
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	4.861.140.027	107.019.080	4.968.159.107
- Khấu hao trong năm	-	337.457.208	-	337.457.208
- Tặng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	5.198.597.235	107.019.080	5.305.616.315
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	-	2.453.286.894	-	2.453.286.894
- Tại ngày cuối năm	-	2.115.829.686	-	2.115.829.686

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Nguyên giá	4.170.407.110	-	-	4.170.407.110
- Quyền sử dụng đất				-
- Nhà	4.170.407.110	-		4.170.407.110
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	4.170.407.110	-	-	4.170.407.110
- Quyền sử dụng đất	-			-
- Nhà	4.170.407.110			4.170.407.110
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

13. Chi phí trả trước

	30/06/2023	01/01/2023
a) Ngắn hạn		
- Trữ sở chính	43.225.781	38.638.160
- Công ty Bán Lê Phương Nam	3.447.977.769	2.635.760.344
- Công ty Phương Nam Phim	7.540.270	3.570.911
- Công ty Sách Phương Nam	300.005	1.820.003
Cộng	3.499.043.825	2.679.789.418

	30/06/2023	01/01/2023
b) Dài hạn		
- Trữ sở chính	3.229.590	3.796.520
- Công ty Bán Lê Phương Nam	960.386.128	818.839.866
- Công ty Phương Nam Phim	18.038.187	24.667.413
- Công ty Sách Phương Nam	65.424.816	86.506.182
Cộng	1.047.075.721	933.809.981

15. Phải trả người bán

	30/06/2023	01/01/2023
Các khoản phải trả người bán		
- Trữ sở chính	931.099.445	566.840.537
- Công ty Bán Lê Phương Nam	269.032.579.580	266.162.018.000
- Công ty Phương Nam Phim	7.650.794.404	7.864.875.828
- Công ty Sách Phương Nam	6.147.408.510	6.046.070.213
- Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	24.170.000	24.170.000
- Công ty In Phương Nam	30.908.561	34.502.509
- Công ty GT-TT Phương Nam	587.085.766	587.085.766
Cộng	284.404.046.266	281.285.562.853

Trả trước người bán là các bên liên quan

- Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	2.545.329.604	2.545.329.604
-----------------------------------	---------------	---------------

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2023	01/01/2023
a) Phải nộp		
- Thuế giá trị gia tăng	736.923.635	360.452.889
- Thuế thu nhập doanh nghiệp/	4.040.532.665	4.283.226.423
- Thuế thu nhập cá nhân	263.653.551	550.708.138
- Các loại thuế khác	-	11.642.274
Cộng	5.041.109.851	5.206.029.724

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

b) Phải thu		
- Thuế giá trị gia tăng	26.775.744	505.417
- Thuế xuất nhập khẩu		127.138.598
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.498.168	23.498.168
- Các loại thuế khác	3.208.012	3.208.012
Cộng	53.481.924	154.350.195

18. Chi phí phải trả

	30/06/2023	01/01/2023
a) Ngắn hạn		
- Trữ sở chính	3.789.147.006	6.422.049.352
- Công ty Bán Lê Phương Nam	9.069.637.111	8.148.793.400
- Công ty Phương Nam Phim	6.333.899.907	6.229.599.489
- Công ty Sách Phương Nam	3.352.465.040	2.270.534.116
- Công ty TNHH GT-TT Phương Nam	101.897.474	101.897.474
Cộng	22.647.046.538	23.623.580.574

19. Phải trả khác

	30/06/2023	01/01/2023
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết;	2.929.548.279	2.663.476.646
- Kinh phí công đoàn;	510.131.023	285.217.075
- Bảo hiểm xã hội;	1.100.592.620	159.552.266
- Bảo hiểm y tế;	8.179.200	8.179.200
- Bảo hiểm thất nghiệp;	78.680.533	117.485.609
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	1.646.123.360	1.146.123.360
- Các khoản phải trả khác.	30.739.341.232	22.747.863.129
Cộng	37.012.596.247	27.127.897.285

Các khoản phải trả khác:

+ Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	567.450	567.450
+ Khác	30.738.773.782	22.747.295.679
Cộng	30.739.341.232	22.747.863.129

	30/06/2023	01/01/2023
b) Dài hạn:		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.118.414.790	4.195.605.376
Cộng	4.118.414.790	4.195.605.376

Trong đó

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:		
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	500.000.000	577.190.586
+ Công ty Phương Nam Phim	3.618.414.790	3.618.414.790
Cộng	4.118.414.790	4.195.605.376

	30/06/2023	01/01/2023
20. Doanh thu chưa thực hiện		
Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước;		
- Công ty Bán Lê Phương Nam	4.629.292.429	2.316.945.229
Cộng	4.629.292.429	3.316.945.229

22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/06/2023	01/01/2023
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
- Trữ sở chính	244.338.083	430.200.294
- Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	114.808.369	114.808.369
Cộng	359.146.441	545.008.663

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

23. *Vốn chủ sở hữu*

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	Các khoản mục khác	Cộng
Số dư đầu năm trước	110.402.410.000	24.738.460.046	(2.616.000.640)	1.998.733.714	30.940.222.159		165.463.825.279
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi trong năm trước							
Tăng khác năm trước							
Giảm vốn trong năm trước							
Lỗ trong năm trước							
Giảm khác năm trước							
Số dư đầu năm nay	110.402.410.000	24.738.460.046	(2.616.000.640)	1.998.733.714	30.940.222.159		165.463.825.279
Tăng vốn trong năm nay							
Lãi trong năm nay					9.615.856.470		9.615.856.470
Tăng khác năm nay							
Giảm vốn trong năm nay							
Lỗ trong năm nay							
Giảm khác năm nay							
Số dư cuối năm nay	110.402.410.000	24.738.460.046	(2.616.000.640)	1.998.733.714	40.556.078.630		175.079.681.748

Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.040.241	11.040.241
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.040.241	11.040.241
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	(240.890)	(240.890)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.799.351	10.799.351

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND/ cổ phần

Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển;	1.998.733.714	1.998.733.714
--------------------------	---------------	---------------

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

27. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	30/06/2023	01/01/2023
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi	2.152.540.894	2.152.540.894
Ngoại tệ các loại	9.481.69	9.105.89

28. Các thông tin khác do doanh nghiệp tự thuyết minh, giải trình.

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II/2023	Quý II/2022
+ Hàng hóa	157.558.060.553	173.066.305.407
+ Dịch vụ	3.293.250.325	1.501.579.678
+ Khác	193.280.969	7.248.016.544
	161.044.591.847	181.815.901.629
-Trụ sở chính	442.302.331	388.922.831
-Công ty Bán Lê Phương Nam	158.904.282.505	175.874.820.695
-Công ty Phương Nam Phim	1.560.946.928	5.415.385.650
-Công ty Sách Phương Nam	137.060.083	136.772.453
Cộng	161.044.591.847	181.815.901.629

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý II/2023	Quý II/2022
- Hàng bán bị trả lại;	2.068.937.831	1.524.100.828
	2.068.937.831	1.524.100.828
Trong đó:		
-Công ty Bán Lê Phương Nam	2.068.937.831	1.835.564.175
-Công ty Phương Nam Phim	-	(311.463.347)
Cộng	2.068.937.831	1.524.100.828

Doanh thu thuần

	Quý II/2023	Quý II/2022
+ Hàng hóa	155.489.122.722	171.542.204.579
+ Dịch vụ	3.293.250.325	1.501.579.678
+ Khác	193.280.969	7.248.016.544
	158.975.654.016	180.291.800.801

+ Trong đó:

-Trụ sở chính	442.302.331	388.922.831
-Công ty Bán Lê Phương Nam	156.835.344.674	174.350.719.867
-Công ty Phương Nam Phim	1.560.946.928	5.415.385.650
-Công ty Sách Phương Nam	137.060.083	136.772.453
Cộng	158.975.654.016	180.291.800.801

3. Giá vốn hàng bán

	Quý II/2023	Quý II/2022
+ Hàng hóa	94.787.422.839	112.929.141.793
+ Dịch vụ	5.043.768.234	218.585.864
+ Khác	13.225.305	4.572.258.913
	99.844.416.378	117.719.986.570

+ Trong đó

-Trụ sở chính	3.685.323.067	174.989.156
-Công ty Bán Lê Phương Nam	93.176.988.149	113.342.361.341
-Công ty Phương Nam Phim	948.502.320	4.089.199.058
-Công ty Sách Phương Nam	2.033.602.842	113.437.015
Cộng	99.844.416.378	117.719.986.570

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	Quý II/2023	Quý II/2022
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
-Trụ sở chính	1.785.719.963	5.680.782
-Công ty Bán Lê Phương Nam	9.782.368.011	4.175.374.036
-Công ty Phương Nam Phim	43.846.956	72.377.367
-Công ty Sách Phương Nam	311.640	409.059
-Công ty In Phương Nam	4.652	511
-Công ty GTTT Phương Nam	596	561
Cộng	11.612.251.818	4.253.842.316
+ Trong đó:		
- Lãi tiền gửi	45.779.285	680.794.476
- Lãi chênh lệch tỷ giá;		124.735
- Chiết khấu thanh toán		2.359.353.569
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	11.566.472.533	1.213.569.536
Cộng	11.612.251.818	4.253.842.316
5. Chi phí tài chính		
-Trụ sở chính		
- Công ty Bán Lê Phương Nam	389.328.000	
Cộng	389.328.000	-
Trong đó		
- Chiết khấu thanh toán, hoa hồng	389.328.000	
Cộng	389.328.000	-
6. Thu nhập khác		
-Trụ sở chính	440.820.000	150.000.000
-Công ty Bán Lê Phương Nam	3.744.234.723	373.194.511
-Công ty Phim Phương Nam	490	273
-Công ty Sách Phương Nam	136.363	-
Cộng	4.185.191.576	523.194.784
Trong đó		
-Thanh lý HH. TSCĐ.CCDC	136.363	4.409.091
-Hỗ trợ khác NCC		
-Các khoản khác	3.744.235.213	368.785.693
-Mặt bằng	440.820.000	150.000.000
Cộng	4.185.191.576	523.194.784
7. Chi phí khác		
-Trụ sở chính	129.500.000	153.316.391
-Công ty Bán Lê Phương Nam	25.470.104	12.153.611
-Công ty Phương Nam Phim	9.000.000	-
		-
-Công ty Sách Phương Nam	92.652.320	
Cộng	256.620.956	165.470.002
Trong đó:		
- Thanh lý TSCĐ.CCDC.hàng hóa hư		
- Các khoản phạt.truy thu thuế.hành chính..	85.396.754	15.069.226
- Các khoản khác:	171.224.202	150.402.798
+ Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	126.000.000	150.000.000
+ Trợ cấp gia đình chính sách	1.500.000	1.500.000
+ Khác	43.724.202	(1.196.389)
Cộng	256.620.956	165.470.002

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý II/2023	Quý II/2022
Chi phí bán hàng:		
-Công ty Bán Lê Phương Nam	54.782.331.889	56.648.460.928
-Công ty Phương Nam Phim	226.391.976	167.254.869
-Công ty Sách Phương Nam	3.259.564	134.686.245
Cộng	55.011.983.429	56.950.402.042
+ Trong đó:		
Chi phí nhân viên	18.388.624.474	18.916.285.170
Chi phí vật liệu, bao bì	470.770.370	479.094.466
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	198.967.378	202.316.528
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.767.424.435	3.965.591.011
Thuế, lệ phí	6.833.339	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.367.828.260	23.915.397.446
Chi phí khác bằng tiền.	9.811.535.173	9.471.717.421
Cộng	55.011.983.429	56.950.402.042
	Quý II/2023	Quý II/2022
Chi phí quản lý:		
-Trụ sở chính	1.346.607.124	1.025.282.427
-Công ty Bán Lê Phương Nam	7.345.360.303	4.979.650.547
-Công ty Phương Nam Phim	496.227.403	385.048.293
-Công ty In Phương Nam	1.685	-
-Công ty Sách Phương Nam	112.367.964	445.605.976
-Công ty GT TT Phương Nam	165.000	-
Cộng	9.300.729.479	6.835.587.243
+ Trong đó:		
Chi phí nhân viên quản lý	6.594.098.112	5.513.009.226
Chi phí vật liệu, bao bì quản lý	-	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	40.239.750	125.277.100
Chi phí khấu hao tài sản cố định	328.423.221	205.366.637
Thuế, lệ phí	53.063.628	19.858.796
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.138.723.250	24.897.668
Chi phí khác bằng tiền.	1.146.181.518	947.177.816
Cộng	9.300.729.479	6.835.587.243

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

IX. Những thông tin khác

3. Thông tin về các bên liên quan

Tên công ty

+ Công ty Bán Lê Phương Nam	Công ty con
+ Công ty Phương Nam Phim	Công ty con
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	Công ty con
+ Công ty In Phương Nam	Công ty con
+ Công ty Sách Phương Nam	Công ty con
+ Công Ty GT-TT Phương Nam	Công ty con
+ Công ty Mega Phương Nam	Công ty liên kết
+ Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	Công ty liên kết
+ Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Công ty liên kết
+ Công ty CP STB Trường học Sóc Trăng	Đầu tư khác

Công ty	Quan hệ	Nội dung	Trị giá (VND)
a). Công ty CP VH Phương Nam			
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	Công ty con	. Phải thu thương mại Phải trả thương mại Phải thu khác Phải trả khác	. 23.671.760.972 315.595.324 - -
+ Công ty Phương Nam Phim	Công ty con	. Phải thu thương mại	. 3.172.913.088
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	Công ty con	. Phải trả khác	. 62.399.131
+ Công ty In Phương Nam	Công ty con	. Phải thu khác	. 43.903.493
+ Công ty Sách Phương Nam	Công ty con	. Phải thu thương mại Phải thu khác	. 6.149.918.998 4.747.274.950
b). Công ty TNHH Bán Lẻ Phương Nam			
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	. Phải thu thương mại Phải trả thương mại Phải trả khác	. 315.595.324 23.671.760.972 -
+ Công ty Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	. Phải thu thương mại Phải trả thương mại Phải thu khác Phải trả khác	. 15.949.303 2.211.064.435 25.000.000 1.995.000
+ Công ty In Phương Nam	Cùng tập đoàn	. Phải trả thương mại	. 2.885.002
+ Công ty Sách Phương Nam	Cùng tập đoàn	. Phải thu thương mại Phải trả thương mại Phải thu khác	. - 2.690.409.586 4.500.000
c). Công ty TNHH Một TV Phương Nam Phim			
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	. Phải trả thương mại	. 3.172.913.088
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	Cùng tập đoàn	. Phải thu thương mại Phải trả thương mại Phải thu khác	. 2.211.064.435 15.949.303 1.995.000
+ Công ty In Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

		Phải trả thương mại	123.200.000
+ Công ty Sách Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải thu thương mại	53.824.138
		Phải thu khác	-
d) Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam			-
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	.	.
		Phải thu khác	62.399.131
e) Công ty In Phương Nam			-
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	.	.
		Phải trả khác	43.903.493
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải thu thương mại	2.885.002
+ Công ty Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải thu thương mại	123.200.000
+ Công ty Sách Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải thu khác	472.524.711
f) Công ty Sách Phương Nam			-
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	.	.
		Phải trả thương mại	6.149.918.998
		Phải trả khác	4.747.274.950
+ Công ty Bán Lê Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải thu thương mại	2.690.409.586
		Phải trả thương mại	
		Phải trả khác	4.500.000
+ Công ty Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải trả thương mại	53.824.138
+ Công ty In Phương Nam	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải trả thương mại	-
		Phải trả khác	472.524.711
g) Công ty GT-TT Phương Nam			-
+ Công ty CPVH Phương Nam	Công ty Mẹ	.	.
		Phải trả thương mại	601.448.802
		Phải trả khác	3.545.046.515
		Phải trả tiền vay	17.849.972.365
+ Công ty Phương Nam Phim	Cùng tập đoàn	.	-
		Phải trả khác	52.363.636
			-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Kỳ kế toán đến 30/06/2022		Đơn vị tính: triệu đồng							
	Kinh doanh PNC	Bán lẻ	SXKD phim. băng đĩa	SXKD văn phòng phẩm	In. thiết kế	Phát hành sách	Truyền thông	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu
Từ khách hàng bên ngoài	725	309.650	5.932	.	.	243	.	.	316.550
Giữa các bộ phận	6.048	500	268	.	.	9.689	.	-16.505	.
Tổng cộng	6.773	310.151	6.200	.	.	9.932	.	-16.505	316.550
Kết quả hoạt động kinh doanh
Kết quả của bộ phận	-670	-356	178	.	-6	1.244	-2	421	809
Chi phí không phân bổ
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	-670	-356	178	.	-6	1.244	-2	421	809
Thu nhập tài chính	6	5.741	107	.	.	1	.	.	5.854
Chi phí tài chính	-6.624	-6.624	.
Thu nhập từ công ty liên kết
Thuế thu nhập doanh nghiệp
Lợi nhuận sau thuế	5.960	5.385	285	.	-6	1.245	-2	-6.160	6.707
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	5.960	5.385	285	.	-6	1.245	-2	-6.160	6.707
Các khoản mục bất thường	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	5.960	5.385	285	.	-6	1.245	-2	-6.160	6.707
Các thông tin khác
Tài sản của bộ phận	157.889	482.328	18.457	184	653	36.045	488	-165	531.357
Công ty liên kết
Tài sản không phân bổ
Tổng tài sản hợp nhất	157.889	482.328	18.457	184	653	36.045	488	-165	531.357
Nợ phải trả của bộ phận	8.341	408.786	22.999	25	95	29.848	22.748	-120.398	372.443
Nợ phải trả không phân bổ	223	74.672	3.795	.	44	19.615	22.049	120.398	.
Tổng nợ phải trả hợp nhất	8.118	334.113	19.204	25	51	10.233	699	.	372.443
Chi phí mua sắm tài sản
Chi phí khấu hao

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Kỳ kế toán đến 30/06/2023		Đơn vị tính: triệu đồng							
	Kinh doanh PNC	Bán lẻ	SXKD phim. băng đĩa	SXKD văn phòng phẩm	In. thiết kế	Phát hành sách	Truyền thông	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu
Từ khách hàng bên ngoài	863	319,303	6,958	.	.	1,575	.	.	328,699
Giữa các bộ phận	5,894	622	1,148	.	.	11,627	.	-19,291	.
Tổng cộng	6,757	319,924	8,106	.	.	13,202	.	-19,291	328,699
Kết quả hoạt động kinh doanh
Kết quả của bộ phận	-1,131	-599	372	.	-4	698	-2	929	263
Chi phí không phân bổ
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	-1,131	-599	372	.	-4	698	-2	929	263
Thu nhập tài chính	1,784	12,015	50	.	.	1	.	.	13,850
Chi phí tài chính	-9,395	389	-9,395	389
Thu nhập từ công ty liên kết
Thuế thu nhập doanh nghiệp
Lợi nhuận sau thuế	8,453	8,821	422	.	-4	578	-2	-8,652	9,616
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	8,453	8,821	422	.	-4	578	-2	-8,652	9,616
Các khoản mục bất thường	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	8,453	8,821	422	.	-4	578	-2	-8,652	9,616
Các thông tin khác
Tài sản của bộ phận	175,144	462,617	18,280	184	634	29,387	486	-127	559,307
Công ty liên kết
Tài sản không phân bổ
Tổng tài sản hợp nhất	175,144	462,617	18,280	184	634	29,387	486	-127	559,307
Nợ phải trả của bộ phận	10,164	372,401	23,031	25	92	22,568	22,748	-66,801	384,228
Nợ phải trả không phân bổ	1,335	28,578	3,337	.	44	11,458	22,049	66,801	.
Tổng nợ phải trả hợp nhất	8,829	343,823	19,694	25	48	11,109	699		384,228
Chi phí mua sắm tài sản	.	2,278	2,278
Chi phí khấu hao	6	5,785	-379	5,412

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam. Do đó, không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần phải thuyết minh

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin so sánh	30/06/2023	01/01/2023
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.877.145.521	106.560.596.693
Phải thu khách hàng và phải thu khác	65.812.517.358	62.187.186.983
Khoản đầu tư tài chính	163.800.000.000	65.600.000.000
Tài sản tài chính khác	17.977.032.941	18.159.033.396
Cộng	267.588.509.259	252.506.817.072
Công nợ tài chính		
Các khoản vay		
Phải trả người bán và phải trả khác	325.535.057.303	312.609.065.514
Chi phí phải trả	22.647.046.538	23.623.580.574
Cộng	348.182.103.841	336.232.646.088

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Thanh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Quốc Hưng

TP. HCM, ngày 28 tháng 07 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Như Quỳnh